

ĐIỀU CHỈNH CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CHUNG CỦA LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ MỘT SỐ LƯU Ý ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM

Nguyễn Bích Ngọc*

Tóm tắt: Chính sách thương mại chung của Liên minh Châu Âu (EU) từ năm 2015 đã có quá trình chuyển đổi hướng đến mục tiêu phát triển thương mại tự do công bằng và bền vững. Nhằm tận dụng tối đa cơ hội tiếp cận thị trường EU sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được thực thi, chiến lược xuất khẩu Việt Nam cần hướng đến vượt rào các biện pháp phi thuế quan, chú trọng 5 vấn đề mới trong quan hệ thương mại với thị trường EU bao gồm: quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả; phát triển hệ thống thông tin truy xuất sản phẩm; tạo dựng thương hiệu bằng sự khác biệt; phát triển công nghệ sản xuất sạch và thân thiện với môi trường.

Từ khoá: Chính sách thương mại chung, biện pháp phi thuế quan, Liên minh Châu Âu

Abstract: The EU Common Commercial Policy has undergone a transition towards a goal of developing equitable and sustainable free trade since 2015. In order to make the most of access to the EU market after the implementation of the EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA), Vietnam's export strategy should aim to overcome barriers to non-tariff measures, focusing on 5 new topics in trade relations with the EU market include: efficient production chain management; developing a product traceability system; branding by difference; developing clean manufacturing technology and environmental friendliness.

Key words: EU Common Commercial Policy, non-tariff measures, European Union

1. Tình hình phát triển quan hệ thương mại nội khối và ngoài khối của Liên minh Châu Âu

Liên minh Châu Âu là một khu vực kinh tế lớn và mở cửa với GDP đạt mức 15.377 tỉ Euro năm 2017 và tổng dân số là 508 triệu dân¹. Thương mại là hoạt động quan trọng của khu vực kinh tế này, với giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá lên đến 3.518 tỉ Euro và dịch vụ là 1.517 Euro, trở thành nhà xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá lớn thứ hai thế giới, chiếm tỉ trọng 15% tổng thương mại thế giới.

* NCS, Viện Thương mại và Kinh tế Quốc tế - Trường Đh Kinh tế Quốc dân

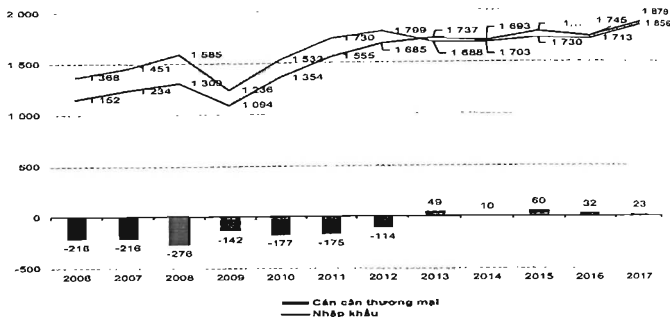
Nhận bài ngày: 31/10/2018
Phản biện xong: 24/12/2018
Chấp nhận đăng: 15/01/2019

¹ <http://appsso.eurostat.ec.europa.eu/>

Với lợi thế liên minh khu vực chặt chẽ, EU thúc đẩy đồng thời hoạt động thương mại nội khối và thương mại ngoại khối làm động lực

thúc đẩy tăng trưởng toàn khối (với tỉ trọng tương ứng là 63,9% và 36,1% trong tổng giá trị thương mại năm 2017).

Biểu đồ 1: Thương mại hàng hoá ngoài khối Liên minh Châu Âu (EU28) giai đoạn năm 2006 đến năm 2017



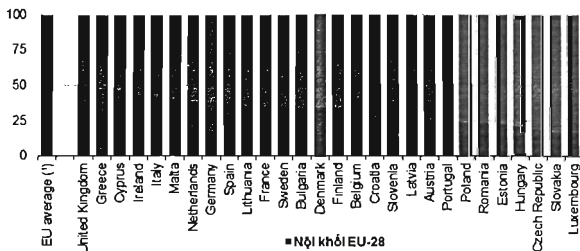
Nguồn: Cơ sở dữ liệu Eurostat, truy cập ngày 6/10/2018 tại website <https://ec.europa.eu/eurostat/data/database>

Sau khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và khủng hoảng nợ công trong Khu vực Đồng tiền chung Châu Âu (Eurozone), xu hướng xuất khẩu ngoài khối được tăng mạnh, khối lượng xuất khẩu của EU năm 2010 tăng 25,5%, cùng với đó là sự suy giảm của nhập khẩu ngoài khối EU phản ánh nhu cầu nội địa yếu. Trong khi đó, thương mại nội khối chưa phục hồi sau khủng hoảng, cùng với những mâu thuẫn chính trị trong nội khối. Hoạt động thương mại nội khối chủ yếu tập trung ở nhóm nước thành viên kém phát triển hơn. Nhìn chung, xu hướng tăng trưởng kinh tế của EU đang phụ thuộc phần

lớn vào thặng dư thương mại ngoại khối, kể từ năm 2013 với mức thặng dư cao nhất trong thương mại ngoại khối là 49 tỉ Euro.

Liên quan đến cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu của EU, nhóm hàng hoá phi nông nghiệp (nguyên nhiên liệu, hoá chất, máy móc thiết bị phương tiện vận tải và các sản phẩm chế tạo) vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất. Nhóm hàng máy móc thiết bị là nhóm hàng xuất khẩu lợi thế của EU với thặng dư thương mại lên đến hơn 200 tỉ Euro, trong khi các sản phẩm nguyên nhiên liệu là nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu của EU nhưng có xu hướng giảm mạnh từ năm 2012 đến nay.

Biểu đồ 2: Tỷ trọng thương mại hàng hoá nội khối và ngoài khối EU28 năm 2017 theo các nước thành viên



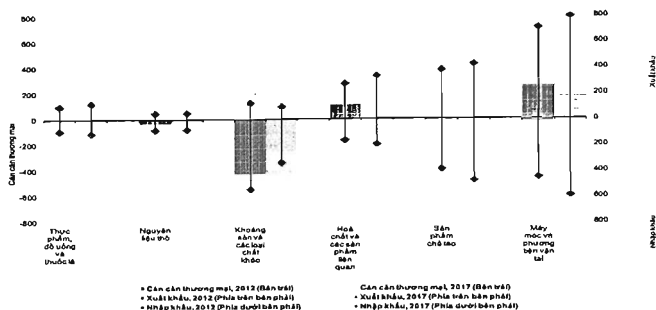
Nguồn: Cơ sở dữ liệu Eurostat, truy cập ngày 6 tháng 10 năm 2018 tại website <https://ec.europa.eu/eurostat/data/database>

Riêng đối với nhóm hàng nông nghiệp, EU nhập khẩu phần lớn, với giá trị nhập khẩu tăng ổn định từ 69,6 tỉ Euro năm 2003 lên 138,1 tỉ Euro năm 2017. Tuy nhiên, xu hướng gần đây cho thấy, hoạt động xuất khẩu nhóm hàng nông sản của EU đang gần bắt kịp với tốc độ tăng của dòng nhập khẩu, cán cân thương mại ghi nhận được trong hai năm 2016 và 2017 đạt giá trị khiêm tốn là -2 và -1 tỉ Euro (Theo số liệu UN Comtrade).

Trong đó, các loại hàng nông sản nhập khẩu chủ yếu vào EU là rau củ quả (chiếm 48% trong tổng giá trị nhập khẩu hàng nông nghiệp năm 2017), theo sau là các loại thực phẩm khác (chiếm 32%), còn lại là sản phẩm từ động vật. Cụ thể, theo mã mặt hàng, 03 - Cá và các loại thủy sản, 08 - Hoa quả tươi, 09 - Cà phê, chè và các loại hạt, 22 - Các loại đồ uống là những sản phẩm nhập khẩu được ưa chuộng nhất trên thị trường EU.

Biểu đồ 3: Cân cân thương mại đối với một số nhóm hàng chính của EU28

So sánh giữa năm 2012 và 2017



Nguồn: Cơ sở dữ liệu Eurostat, truy cập ngày 6/10/ 2018 tại website

<https://ec.europa.eu/eurostat/data/database>

Qua phân tích tổng quan về hoạt động thương mại của Liên minh Châu Âu có thể thấy rõ một số đặc điểm nổi bật như sau: Hoạt động thương mại nội khối vẫn giữ vai trò chủ đạo và động lực tăng trưởng thương mại bền vững tại thị trường EU; Xu hướng xuất khẩu ngoại khối định hướng vào các nhóm hàng phi nông nghiệp (như sản xuất chế tạo, máy móc thiết bị, hoá chất); EU duy trì ổn định cân bằng cán cân thương mại đối với nhóm hàng nông sản, dòng nhập khẩu nông sản vào thị trường này đang có tốc độ tăng chậm dần; Các nhóm thực phẩm đang là nhóm hàng xuất khẩu chính của EU trong cơ cấu hàng nông sản xuất khẩu.

Vi vậy, với cơ cấu hàng hoá đa dạng và xu hướng trao đổi thương mại nội khối và ngoại khối chông chéo, chính sách thương mại chung của EU được xây dựng dựa trên nguyên tắc thống nhất cao và hướng đến mục tiêu phát triển thương mại tự do công bằng và bền vững, cùng với đó là hệ thống đầy đủ các công cụ biện pháp, đặc biệt là biện pháp phi thuế quan chặt chẽ, tinh vi nhằm điều chỉnh hiệu quả cả hoạt động xuất và nhập khẩu trong và ngoài khối EU. Qua nhận định, hệ thống biện pháp phi thuế quan của Liên minh Châu Âu được coi là hệ thống biện pháp đầy đủ nhất, chặt chẽ nhất nhưng cũng được xem là mang tính chất cản trở

không nhỏ đối với các nhà xuất khẩu đến từ nhóm nước thứ ba.

2. Điều chỉnh trong chính sách thương mại chung của EU

2.1. Điều chỉnh Chính sách chung theo hướng phát triển toàn diện, công bằng và bao trùm

Chính sách thương mại chung của EU từ năm 2015 đã có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng phát triển thương mại cho tất cả, hướng đến một chính sách thương mại và đầu tư có trách nhiệm hơn dựa trên nguyên tắc “thương mại tự do công bằng” và các mục tiêu đối ngoại của Liên minh. Phạm vi điều chỉnh của chính sách thương mại chung đã được mở rộng thêm các vấn đề liên quan đến thương mại dịch vụ, bảo hộ sở hữu trí tuệ, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Chính sách mới này tập trung vào các vấn đề như: Hỗ trợ tăng trưởng chuỗi giá trị toàn cầu; Giảm dần các rào cản phi thương mại; Tăng cường thương mại dịch vụ và thương mại điện tử; Hưởng lợi từ công nghệ được cải tiến để tạo thuận lợi cho việc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới; Quản lý các hoạt động sản xuất và công nhận tầm quan trọng của tính di chuyển lao động và công nhận lẫn nhau về chứng nhận chuyên môn.

Thêm vào đó, EU cũng thể hiện rõ quan điểm tự do hoá thương mại hay “thương mại tự do công bằng” thông qua tiến trình đàm phán các hiệp định thương mại khu vực và các đàm phán song phương và đa phương

nhằm định hình nền kinh tế toàn cầu theo hướng thuận lợi hoá thương mại. Đến nay, EU đã tiến hành đàm phán song phương với nhiều đối tác thương mại quan trọng như Hiệp định Đối tác Thương mại và Đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP), FTA EU với Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản và kết thúc đàm phán FTA EU - Việt Nam. Trong hầu hết các hiệp định thương mại, EU luôn đàm phán bao trùm nhiều lĩnh vực mới so với những FTA truyền thống như thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư, mua sắm công, tiếp cận năng lượng và nguyên liệu thô, hải quan và tạo thuận lợi thương mại, chính sách cạnh tranh. Đây là những lĩnh vực và vấn đề hướng đến phát triển bền vững, thương mại công bằng và đạo đức, và quyền con người.

2.2. Tăng cường tạo thuận lợi hoá thương mại thông qua sáng kiến hệ thống hải quan tự động và cơ chế hải quan một cửa

EU tiếp tục thực hiện sáng kiến hải quan điện tử, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của các thủ tục hải quan, do đó tạo thuận lợi cho thương mại. Sáng kiến hải quan điện tử bao gồm một số dự án riêng lẻ, như xuất nhập khẩu tự động, hệ thống hải quan một cửa, hệ thống phân loại trạng thái doanh nghiệp.

- Hệ thống hải quan một cửa được thực hiện theo từng giai đoạn: giai đoạn đầu là chấp nhận tự động các chứng chỉ điện tử,

một dự án thí điểm chấp nhận giấy chứng nhận thú y (Tài liệu Nhập cảnh Thú y chung - CVED) được khởi xướng vào năm 2012 và đã bắt đầu hoạt động từ tháng 3/2014.

- *Hệ thống xuất nhập khẩu tự động.* Đối với hoạt động thương mại với các nước ngoài khối, EU áp dụng các quy định và thủ tục hải quan chung được hài hoà hoá và giám sát tại cấp Ủy ban Châu Âu (EC) thông qua các cuộc tham vấn giữa các bên bao gồm giữa EC và các doanh nghiệp về các vấn đề hải quan của EU, còn các cơ quan hải quan quốc gia tại các nước thành viên chịu trách nhiệm thi hành luật. Cho đến nay 98% tờ khai hải quan của doanh nghiệp được nộp tại EU là tờ khai điện tử. Trước đây, khi thủ tục hải quan liên quan đến nhiều cơ quan hải quan ở EU, doanh nghiệp cũng có thể đăng ký ủy quyền đơn nhất cho các thủ tục đơn giản, cho phép sử dụng thủ tục thông quan tại địa phương hoặc thủ tục khai báo đơn giản ở nhiều quốc gia thành viên. Tuy nhiên, đến năm 2015, ủy quyền đơn nhất sẽ được thay thế bằng ủy quyền thông quan tập trung UCC (Mã hải quan của Liên minh - UCC). EC cho rằng UCC (và các hành vi được ủy quyền và các điều khoản thực thi) sẽ hợp lý hoá quy trình và thủ tục hải quan, mang lại sự chắc chắn và tính đồng nhất về mặt pháp lý cho doanh nghiệp, đơn giản hóa các quy tắc và thủ tục hải quan và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho giao dịch hải quan và Cơ chế Hải quan không cần giấy tờ và hoàn toàn điện tử.

- *Hệ thống phân loại trạng thái doanh nghiệp.* Các quốc gia thành viên EU có thể cấp trạng thái nhà điều hành kinh tế (AEO) được ủy quyền cho các doanh nghiệp theo ba loại chứng nhận AEO: AEO-C (chứng nhận AEO Đơn giản hóa hải quan); AEO-S (Chứng nhận AEO - Bảo mật và an toàn); và AEO-F (chứng nhận AEO - Đầy đủ). Lợi ích của việc cấp trạng thái AEO cho các doanh nghiệp phụ thuộc vào loại chứng chỉ được cấp và có thể từ mức độ ít kiểm soát hải quan hơn hoặc dễ dàng hơn đến đơn giản hóa thủ tục hải quan. Việc tham gia vào chương trình nhà điều hành kinh tế được ủy quyền là tự nguyện và chỉ dành cho các doanh nghiệp được thành lập ở EU. Các doanh nghiệp từ các nước thứ ba có thể áp dụng nếu họ có các công ty con được thành lập và có các hoạt động liên quan đến hải quan tại EU. Đến năm 2015, EU đã phân loại 15.034 doanh nghiệp (trong đó, AOE-F có 7.508 doanh nghiệp, AOE-C có 6.982 doanh nghiệp, AOE-S có 544 doanh nghiệp).

2.3. Điều chỉnh gia tăng mức độ áp dụng các biện pháp tự vệ trong thương mại

EU là một trong những nước sử dụng thường xuyên nhất các biện pháp dự phòng của WTO. Từ cuối năm 2016, số lượng biện pháp tự vệ có hiệu lực đã gia tăng nhanh chóng với 136 biện pháp. Các quy định mới về các biện pháp tự vệ đã được đưa ra vào năm 2015 nhằm mục đích tăng sự minh bạch

trong quá trình điều tra khiếu nại. Cụ thể, EC duy trì trang web thông tin nhằm cung cấp thông tin các vụ khiếu nại, và tình trạng của các vụ khiếu nại. Ngoài ra, quá trình điều tra có thể bắt đầu từ khiếu nại của một ngành công nghiệp trong EU. Nếu điều tra xác định có bán phá giá hoặc trợ cấp trong sản xuất và/hoặc xuất khẩu các sản phẩm liên quan, có khả năng đe dọa đối với ngành công nghiệp của EU và việc áp dụng biện pháp dự phòng không trái với các lợi ích của EU, Ủy ban có thể áp dụng các biện pháp dự phòng. Các biện pháp tạm thời có thể được áp dụng sau 60 ngày kể từ khi bắt đầu thủ tục tố tụng. Thuế tạm thời trừng phạt có thể được áp dụng trong 6 tháng, tối đa là 9 tháng. Các biện pháp chống bán phá giá hoặc đối khác thường được áp dụng trong thời hạn cố định là 5 năm, tùy thuộc vào các kết quả đánh giá, nếu không yêu cầu xem xét hết hạn, biện pháp sẽ tự động hết hạn. Các đánh giá hết hạn trừng phạt có thể được tiến hành theo yêu cầu của một ngành công nghiệp EU hoặc của EC. Nếu việc xem xét hết hạn xác định biện pháp cần được giữ lại, các nhiệm vụ thường vẫn có hiệu lực trong năm năm nữa. EC chỉ ra rằng thời gian trung bình của các biện pháp chống bán phá giá trong EU là khoảng 6 năm. Tuy nhiên, các biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp cũng có thể chấm dứt trước khi hết hạn. Sau khi các biện pháp đã được áp dụng trong thời

gian dài hơn một năm, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu hoặc các nhà sản xuất của EU yêu cầu xem xét chấm dứt. Ngưỡng để chấm dứt các biện pháp chống bán phá giá là khi tỉ lệ bán phá giá được xác định nhỏ hơn 2% giá xuất khẩu.

2.4. Tăng cường kiểm soát rủi ro bằng biện pháp vệ sinh, kiểm dịch động thực vật đối với nhập khẩu các nhóm hàng nông sản

Đặc điểm nổi bật nhất của Liên minh Châu Âu là tính hài hoà hoá các biện pháp của các nước thành viên. Đến nay, các biện pháp thuộc Chính sách thương mại của EU áp dụng đối với nước thứ ba ngoài khối được thống nhất chung trong Liên minh và được các nước thành viên thực thi. Do đó, EU ban hành các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS) và các nước thành viên có thể bổ sung hoặc đưa thêm các biện pháp đặc trưng khác trong những trường hợp cụ thể. Các ủy ban quản lý chính liên quan đến việc phát triển các biện pháp SPS là Ủy ban Thường trực về Chuỗi thức ăn và Sức khỏe động vật (Committee on the food chain and animal health), và Ủy ban Thường trực về Sức khỏe thực vật (Committee on Plant health). Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) là cơ quan đánh giá rủi ro độc lập của EU, cung cấp tư vấn khoa học độc lập về các rủi ro hiện có và mới nổi liên quan đến các vấn đề SPS bao gồm cả an toàn thực phẩm và sinh vật biến đổi gen.

Các biện pháp SPS được quy định trong Luật Thực phẩm chung về quản lý thực phẩm và thức ăn ở EU và cấp Nhà nước thành viên; Ủy ban đã lưu ý rằng các biện pháp được áp dụng theo Luật này luôn dựa trên phân tích rủi ro. Luật Thực phẩm chung cho phép thiết lập các biện pháp “tạm thời” nếu “khả năng tác động có hại đến sức khỏe được xác định nhưng không chắc chắn về khoa học vẫn tồn tại. Các biện pháp này phải có tỉ lệ hoặc mức độ tác động không gây hạn chế thương mại hơn mức cần thiết để đạt mục đích cao về bảo vệ sức khỏe và phải được xem xét trong một khoảng thời gian hợp lý. Các biện pháp được áp dụng theo Luật Thực phẩm chung phải xem xét các tiêu chuẩn quốc tế, “trừ khi các tiêu chuẩn đó hoặc các bộ phận liên quan là không hiệu quả hoặc không phù hợp để thực hiện các mục tiêu hợp pháp của luật thực phẩm”.

Đối với nhập khẩu động vật sống và các sản phẩm có nguồn gốc động vật

Các thủ tục kiểm soát nhập khẩu động vật sống và các sản phẩm có nguồn gốc động vật phần lớn được hài hòa trên toàn EU. Nhập khẩu những mặt hàng này phải kèm theo chứng nhận sức khỏe chứng thực để đáp ứng các điều kiện nhập khẩu của EU. Họ phải trải qua các biện pháp kiểm soát chính thức tại các điểm kiểm tra biên giới (Border Inspection Point - BIP) được EU phê duyệt trên biên giới EU và có thể phải chịu sự kiểm soát bổ sung tại các nước đến. Các kiểm soát

chính thức tại biên giới liên quan đến tài liệu, danh tính và kiểm tra vật lý. Tần suất kiểm tra vật lý có thể bị giảm đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật tuân theo các yêu cầu hài hòa của EU, có tính đến hồ sơ rủi ro của sản phẩm liên quan. Nhập khẩu trực tiếp động vật phải được thông báo cho cơ quan kiểm tra biên giới ít nhất 24 giờ trước khi đến EU; nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc động vật phải được thông báo trước khi đến. Thông báo có thể được gửi bằng điện tử thông qua Hệ thống kiểm soát thương mại và hệ thống chuyên gia (TRACES); một công cụ giao tiếp điện tử cho phép tất cả các thanh tra thú y trong BIP truy cập tài liệu với kết quả kiểm tra được thực hiện bởi các BIP khác. Khi các vấn đề tái phát đã được xác định với một số sản phẩm có nguồn gốc động vật từ một nước thứ ba cụ thể, có thể áp dụng biện pháp tự vệ, tức là “điều kiện nhập khẩu đặc biệt”. Các biện pháp “điều kiện nhập khẩu đặc biệt” này bao gồm tối đa 100% thử nghiệm lô hàng hoặc kiểm tra và chứng nhận trước khi xuất khẩu. Danh sách các sản phẩm từ các nước thứ ba thuộc “điều kiện nhập khẩu đặc biệt” được công khai trên trang web của EC.

Đối với nhập khẩu thực vật và các sản phẩm có nguồn gốc thực vật, điểm nổi bật trong biện pháp SPS của EU là *Hệ thống cảnh báo nhanh về lương thực và thức ăn (RASFF)* là một mạng lưới do Tổ chức Lương thực Liên hiệp quốc (FAO) quản lý cho

phép các tổ chức thực phẩm và thức ăn ở các nước thành viên trao đổi thông tin về các biện pháp được thực hiện để đối phó với các rủi ro nghiêm trọng liên quan đến thực phẩm và thức ăn. Các biện pháp được thực hiện bởi các Quốc gia thành viên, ví dụ như thu hồi hoặc từ chối các lô thực phẩm, phải được thông báo cho Ủy ban ngay lập tức. Có hai loại thông báo RASFF: thông báo thị trường và từ chối biên giới. Một thành viên của mạng sẽ gửi một thông báo thị trường khi một rủi ro được tìm thấy trong một sản phẩm thực phẩm hoặc thức ăn được đặt trên thị trường, hoặc từ chối biên giới được gửi khi một sản phẩm bị từ chối nhập cảnh sang EU.

Như vậy, có thể thấy, các biện pháp SPS của EU được xây dựng dựa trên các quy định quốc tế trong Hiệp định về việc áp dụng các Biện pháp kiểm dịch động thực vật của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các quy định hướng dẫn của Codex, trong các trường hợp riêng biệt, EU cho phép các nước thành viên áp dụng các biện pháp riêng dựa trên các bằng chứng khoa học của EFSA về mức độ liên quan đến sức khoẻ con người và môi trường. Về quá trình thực thi, Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) chịu trách nhiệm đánh giá và soát độc lập mức độ rủi ro của các sản phẩm động thực vật nhập khẩu vào EU, trên cơ sở đó, EU phê duyệt danh sách các quốc gia hoặc khu vực có thể xuất khẩu các loại động vật tươi hoặc sản phẩm có nguồn gốc động vật. Bên cạnh đó, EU áp

dụng Hệ thống cảnh báo nhanh về lương thực và thực phẩm (RASFF) để phát hiện nhanh những rủi ro nghiêm trọng liên quan đến lương thực thực phẩm giữa các nước thành viên thông qua Hệ thống kiểm soát thương mại và hệ thống chuyên gia (TRACES) giữa các nước thành viên từ đó đưa ra ứng phó. Qua đó, từ quá trình ban hành quy định thống nhất, đến thực thi quy định đều có tính hài hoà nhất quán cao giữa các nước thành viên thuộc EC dựa trên nguyên tắc minh bạch thông tin và chặt chẽ về cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học.

2.5. Hài hoà hoá các tiêu chuẩn kỹ thuật trong thương mại của các nước thành viên

Cách tiếp cận cơ bản của EU là đưa ra tiêu chuẩn kỹ thuật được hài hoà giữa các nước thành viên và việc tuân thủ các tiêu chuẩn này mang tính tự nguyện nhưng đồng thời EU cũng cung cấp những giả định về sự phù hợp với các yêu cầu thiết yếu. Những sản phẩm không tuân thủ các tiêu chuẩn hài hoà nhưng đáp ứng được các tiêu chuẩn thiết yếu thì vẫn được bán trên thị trường châu Âu. Tuy nhiên, đối với đồ chơi, máy móc nguy hiểm cao và các vấn đề cụ thể liên quan đến việc sử dụng tần số vô tuyến, đánh giá sự phù hợp của bên thứ ba là bắt buộc nếu sản phẩm không được sản xuất theo các tiêu chuẩn hài hoà. Trong trường hợp không có luật an toàn cụ thể hơn ở cấp EU, hàng hóa

tiêu dùng phải tuân thủ các yêu cầu an toàn được nêu trong Chỉ thị an toàn sản phẩm chung. Những hàng hóa này bao gồm, các sản phẩm chăm sóc trẻ em, hàng dệt may và một số hàng tiêu dùng khác.

Các tổ chức tiêu chuẩn Châu Âu (European standards organizations - ESOs) và các cơ quan tiêu chuẩn hoá quốc gia. Ba tổ chức tiêu chuẩn Châu Âu (ESO) được công nhận là Ủy ban Tiêu chuẩn hóa Châu Âu (CEN), Ủy ban Tiêu chuẩn Kỹ thuật Điện của Châu Âu (Cenelec) và Viện Tiêu chuẩn Viễn thông Châu Âu (ETSI). Ủy ban có thể đưa ra yêu cầu chính thức cho các tổ chức tiêu chuẩn hóa để phát triển một tiêu chuẩn dựa trên ý kiến tham vấn từ các bên liên quan. EU yêu cầu các ESO cần công khai chương trình làm việc. Các tiêu chuẩn được dự thảo sẽ lưu vào danh sách các sáng kiến quốc gia cho các ESO của các quốc gia khác nghiên cứu xem xét. Khi một tiêu chuẩn châu Âu đã được phát triển và được chấp nhận bởi ESO có liên quan, bất kỳ tiêu chuẩn quốc gia xung đột nào cũng phải được rút ra để đảm bảo sự gắn kết tổng thể của hệ thống tiêu chuẩn hóa châu Âu. Ủy ban duy trì cơ sở dữ liệu trực tuyến các yêu cầu về tiêu chuẩn và được công bố hàng năm.

Hiện nay, các tiêu chuẩn hài hoà được áp dụng đối với 11 lĩnh vực khác nhau bao gồm 31 nhóm sản phẩm và 1 khu vực dịch

vụ. Trong trường hợp một sản phẩm không có tiêu chuẩn hài hoà trong EU, các nước thành viên có thể xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tham khảo tiêu chuẩn quốc gia của các quốc gia thành viên khác. Hàng hoá đưa vào thị trường của một nước thành viên một cách hợp pháp phải tuân theo nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau, cho phép tiếp thị tại nước thành viên khác ngay cả khi hàng hoá đó không tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của quốc gia thành viên thứ hai. Một nước thành viên chỉ được từ chối hàng hoá từ nước thành viên khác dựa trên biện minh về các lý do đạo đức, an ninh quốc gia, sức khoẻ cộng đồng, sức khoẻ động thực vật hoặc các vấn đề liên quan đến giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ hoặc theo yêu cầu bắt buộc của Toà án Tư pháp EU (CJEU). Tuy nhiên, CJEU yêu cầu rằng các quy tắc như vậy là cần thiết để đạt được các mục tiêu hợp pháp, và phù hợp với các nguyên tắc tỉ lệ, theo đó biện pháp hạn chế ít nhất sẽ được sử dụng.

Bên cạnh đó, EU áp dụng Hệ thống cảnh báo nhanh cho các sản phẩm phi thực phẩm nguy hiểm (RAPEX) trong đó các cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên EU và các nước EFTA cần trao đổi thông tin về các sản phẩm được coi là có nguy cơ đối với sức khoẻ và an toàn của con người. Hệ thống RAPEX cũng báo cáo về các biện pháp mà nhà sản xuất và phân phối thực hiện.

3. Những vấn đề đặt ra đối với xuất khẩu hàng hoá Việt Nam sang thị trường Liên minh Châu Âu

Liên minh Châu Âu luôn là thị trường mục tiêu của các nước xuất khẩu thuộc thế giới thứ ba như Việt Nam. Với những nỗ lực đàm phán và tích cực chủ động mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã đạt được thoả thuận trong việc ký kết Hiệp định thương mại tự do với EU. Vì vậy, Việt Nam dễ dàng được hưởng lợi từ cam kết cắt giảm thuế quan trong EVFTA. Điều khó khăn nhất với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam là đáp ứng được các yêu cầu trong hệ thống biện pháp phi thuế quan của EU. Căn cứ những nghiên cứu về quá trình chuyển đổi trong Chính sách thương mại chung và các biện pháp phi thuế quan điển hình được áp dụng của EU, các vấn đề doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý như sau:

Với mục tiêu thương mại hướng đến phát triển bền vững, công bằng và đạo đức, EU kiểm soát rất chặt chẽ quy trình sản xuất sản phẩm, chứ không chỉ sản phẩm đầu ra. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam cần chú trọng kiểm soát chuỗi giá trị sản xuất hiệu quả, đặc biệt quan tâm đến các khía cạnh như lao động, môi trường. Đây đều là những vấn đề mà nhiều doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam hiện nay chưa thực sự coi trọng.

Nguyên tắc của chính sách chung EU là tăng tính minh bạch, hài hoà và thống nhất

về cơ sở dữ liệu quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu vào trong khối. Do đó, lưu ý đối với doanh nghiệp Việt Nam là cần lưu giữ thông tin trong toàn bộ quá trình sản xuất từ yếu tố đầu vào đến sản phẩm cuối cùng nhằm làm cơ sở hỗ trợ cho việc truy xuất nguồn gốc một cách minh bạch và dễ dàng.

Đối với xuất khẩu hoa quả và các sản phẩm nông sản khác, doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý chuẩn hoá quy trình sản xuất theo chuẩn HACCP hoặc Global G.A.P, trong đó, giảm tỉ lệ sử dụng các yếu tố đầu vào là phân bón và hoá chất, định hướng phát triển sản xuất bằng công nghệ sạch, hoặc sử dụng phân bón hữu cơ trong ngành nông nghiệp.

Xây dựng thương hiệu vẫn là vấn đề quan trọng trong mục tiêu thúc đẩy xuất khẩu bền vững. Thương hiệu sản phẩm Việt Nam cần được gắn với sự khác biệt về chất lượng, tính ưu việt về công nghệ hoặc đặc trưng vùng địa lý. Bên cạnh đó, xây dựng thương hiệu sản phẩm cũng cần gắn liền với uy tín như đảm bảo chất lượng đồng đều của các lô hàng. Do vậy, việc kiểm soát chất lượng sản phẩm sau khi sản xuất, trước khi giao hàng là điều cần thiết để giữ chữ "tín" trong kinh doanh, đặc biệt là đối với thị trường khắt khe và khó tính như EU.

Doanh nghiệp Việt Nam cần chuyển đổi tư duy cạnh tranh trên thị trường EU. Không nên đi theo chiến lược cạnh tranh bằng giá thay vào đó tạo sức cạnh tranh cho sản phẩm bằng chất lượng và tính thân thiện

đối với môi trường. Bởi lẽ, người tiêu dùng thị trường EU rất chú trọng đến yếu tố chất lượng và ưa chuộng các sản phẩm tự nhiên hoặc được gắn mác sinh thái thay vì các sản phẩm có giá rẻ.

Như vậy, đối với một đối tác khó tính như EU, chiến lược xuất khẩu Việt Nam cần hướng đến vượt rào các biện pháp phi thuế quan để tiếp cận thị trường, bên cạnh việc tận dụng thuế quan ưu đãi trong EVFTA. Cụ thể, doanh nghiệp xuất khẩu cần chú trọng 5 vấn đề mới trong quan hệ thương mại với thị trường EU bao gồm: quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả; phát triển hệ thống thông tin truy xuất sản phẩm; tạo dựng thương hiệu bằng sự khác biệt; phát triển công nghệ sản xuất sạch trong nông nghiệp và giảm tỉ trọng sử dụng hoá chất; chuyển đổi cạnh tranh bằng chất lượng và tinh thần thiện với môi trường.

Tài liệu tham khảo

1. Eurostat, *European statistics*, <https://ec.europa.eu/eurostat/data/database> tải ngày 6 tháng 10 năm 2018.
2. ITC UN COMTRADE, *Trade statistics*, <https://www.trademap.org/> tải ngày 6 tháng 10 năm 2018.

3. Ngô Duy Ngô, *Hệ thống thuế quan và phi thuế quan của Liên minh châu Âu*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 8, năm 2009, tr. 23-32, ISSN. 0868-3581

4. Phạm Văn Khôi, *Chính sách thuế quan và phi thuế quan đối với hàng nông sản Việt Nam trong quá trình hội nhập WTO*. Tạp chí Kinh tế & phát triển, số 121, năm 2007, tr. 12-16, ISSN. 1859-0012.

5. TRAINS UNCTAD, *NTM database through Integrated Trade Intelligence Portal (I-TIP)*, <https://i-tip.wto.org/goods> tải ngày 05 tháng 06 năm 2018.

6. UNCTAD, *Non-tariff Measures. Evidence from Selected Developing countries and Future Research Agenda*, http://www.unctad.org/en/docs/diictab20093_en.pdf, tải ngày 5/6/2018.

7. United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD), *Methodologies, Classifications, Quantification and Development Impacts of Non-Tariff Barriers*, UNCTAD publishing house, Geneva, 2005.

8. WTO, *Trade Policy Review European Union*, https://www.wto.org/english/tratop_e/tp_r_e/tp_rep_e.htm, tải ngày 6/10/2018.